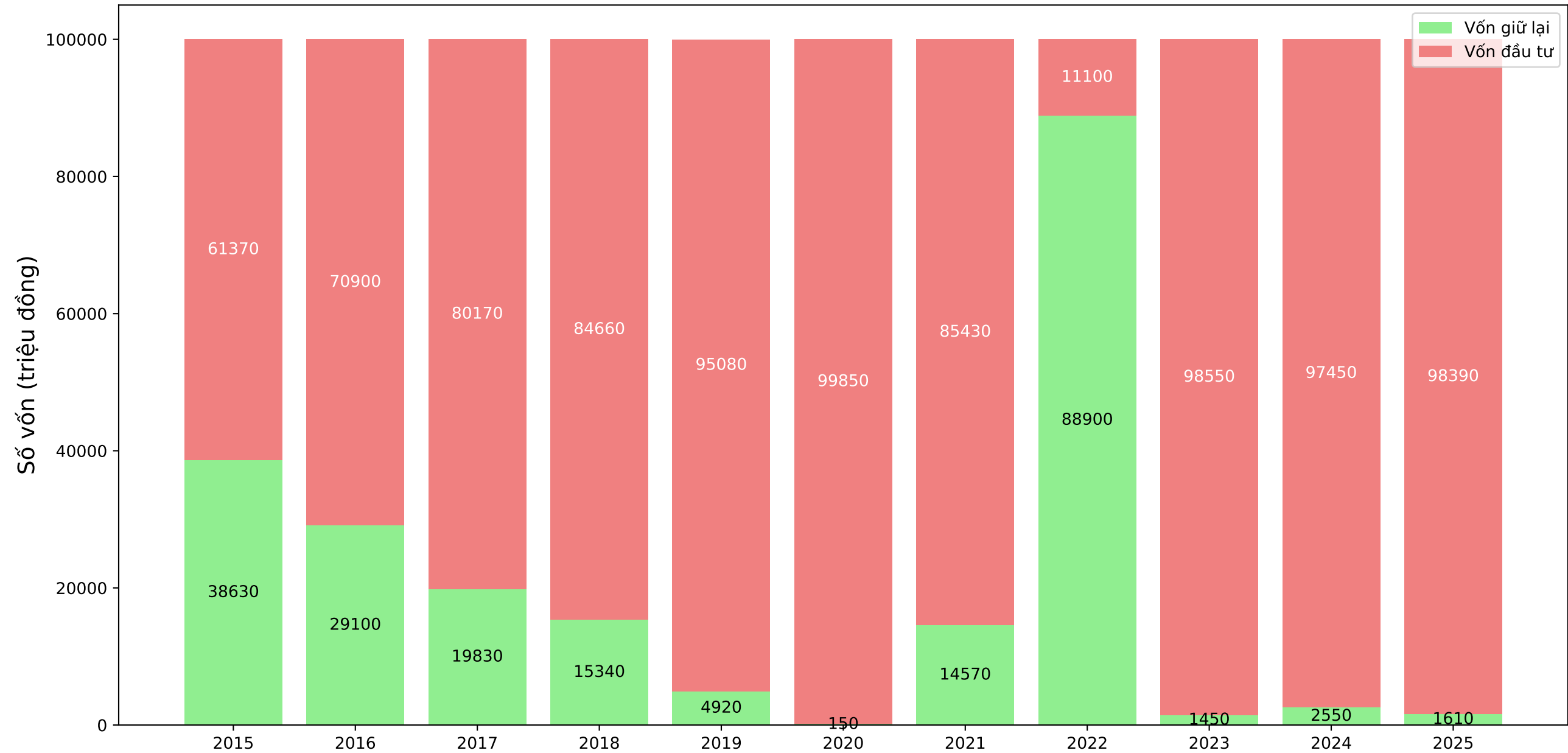


Phân chia vốn



Thông tin top 3

	nSB	RkB	Sy1	nS1	Rk1	Pr1	Sy2	nS2	Rk2	Pr2	Sy3	nS3	Rk3	Pr3
2015	3863	1	SVC	2273	255	1.591	CLG	686	111	0.603	KSB	489	280	1.787
2016	2910	1	SVC	1719	209	1.703	GTT	1051	65	0.364	VSI	975	287	0.955
2017	1983	1	PET	3587	280	1.08	HAR	2080	290	3.1	HAG	1634	234	0.691
2018	1534	1	TNI	5700	310	1.542	HAG	2746	296	0.919	PET	1781	287	0.952
2019	492	1	HAR	8380	347	0.847	BCG	6376	334	1.003	VNE	1964	338	0.917
2020	15	1	HAR	9398	352	2.289	LMH	7715	342	1.963	LHG	6459	349	3.068
2021	1457	1	TNI	7281	355	2.07	HAR	4843	361	1.61	ITC	2158	353	1.119
2022	8890	1	HAR	208	367	0.352	CDC	170	346	1.042	ASP	146	6	0.43
2023	145	1	AAT	8946	337	1.194	ITC	8156	334	1.288	PSH	861	310	1.321
2024	255	1	SCD	7100	311	1.099	HAR	5385	331	0.772	APH	2086	303	0.865
2025	161	1	HAR	8393	330	nan	TCO	7901	331	nan	APH	3631	316	nan

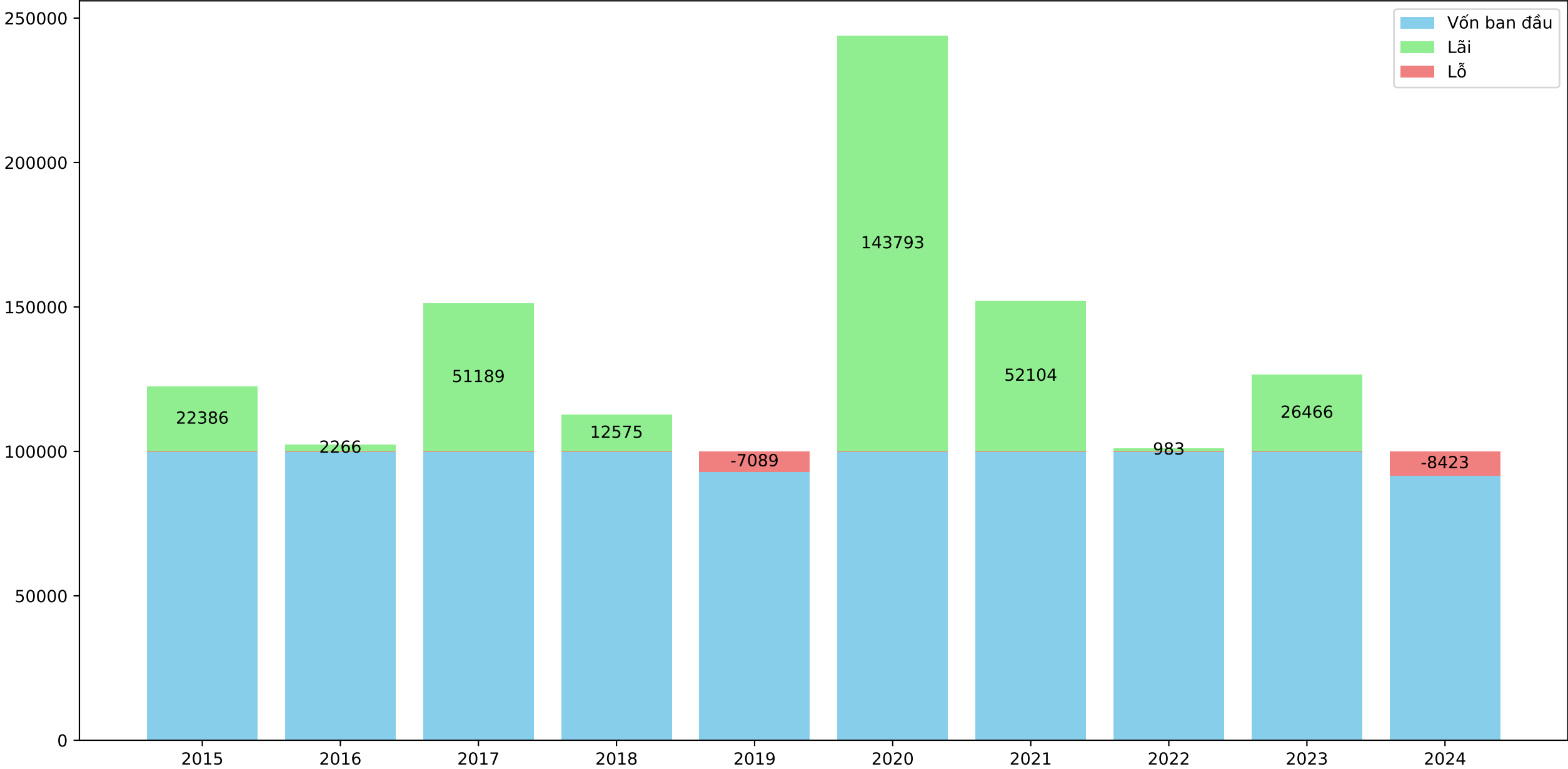
Sy: Mã công ty

Rk: Rank của SUM_RANK

nS: Số lượng gợi ý đầu tư

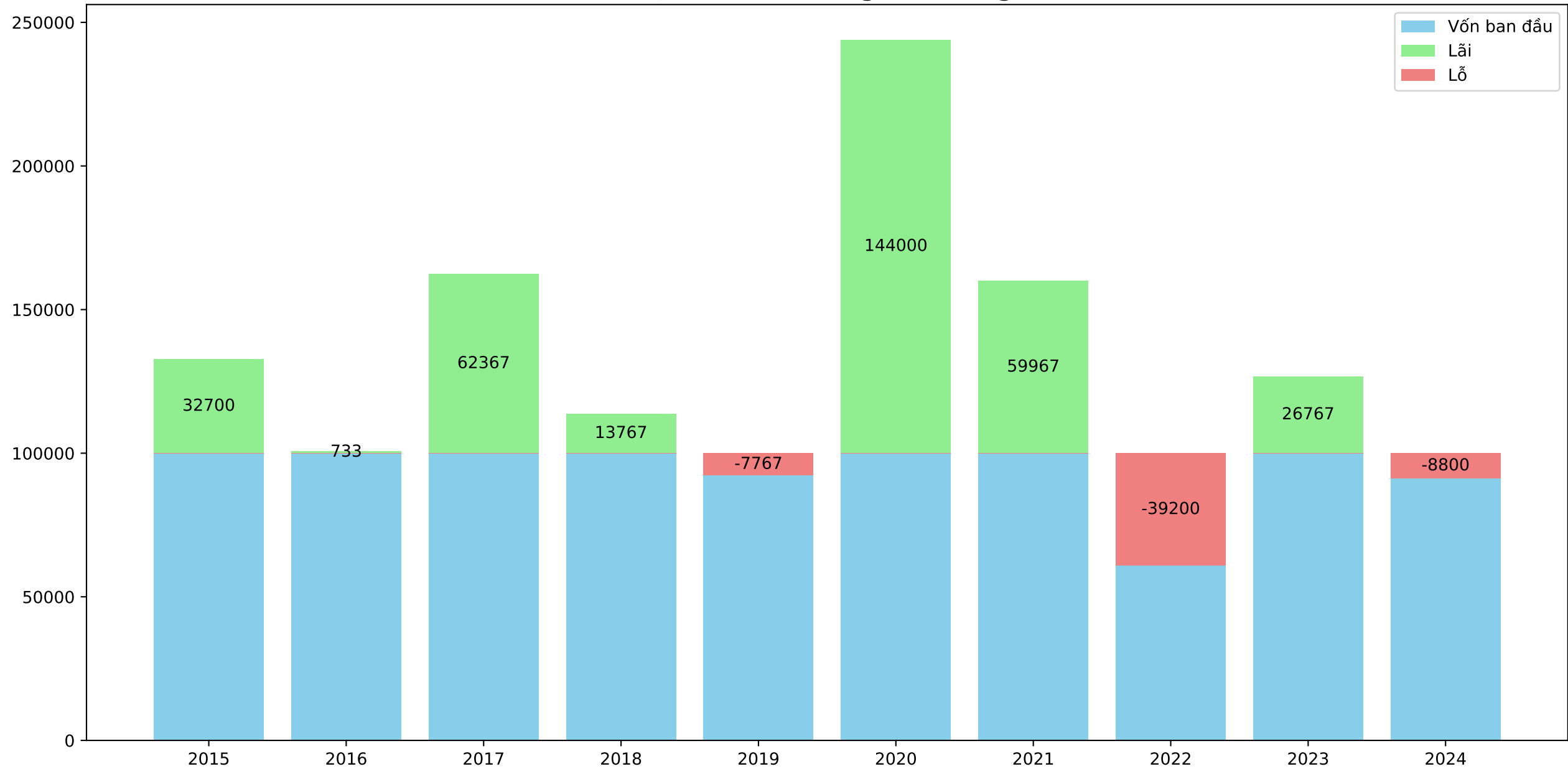
Pr: Profit (SELL/BUY)

Chiến lược đầu tư không dùng vốn gửi bank



HarMean Profit (2015 - 2024): 1.195950356640243

Chiến lược đầu tư dùng cả vốn gửi bank



HarMean Profit (2015 - 2024): 1.1248045306939012